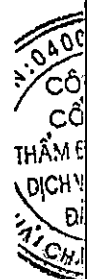


MỤC LỤC

TÌNH HÌNH CHUNG VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ CẦU ĐƯỜNG ĐÀ NẴNG	4
I. GIỚI THIỆU VỀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	4
1. Tên đơn vị:.....	4
2. Trụ sở chính:.....	4
3. Quyết định thành lập công ty	4
4. Tư cách pháp nhân.....	4
5. Cơ quan chủ quản: Sở Giao thông Vận tải thành phố Đà Nẵng.....	4
6. Chức năng, nhiệm vụ:	4
II. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN	5
III. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GTDN:	5
1. Thực trạng về tài sản:.....	5
2. Thực trạng về tài chính tại thời điểm xác định GTDN 31/12/2017:.....	11
2.1 Thực trạng về tài sản tại thời điểm xác định GTDN 31/12/2017	11
3. Cơ cấu tổ chức quản lý và tổ chức bộ máy:	14
4. Tình hình sản xuất kinh doanh trước khi thực hiện cổ phần hóa:.....	18
5. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.....	19
6. Nguồn nhân lực, tài sản:	20
7. Trình độ công nghệ:.....	20
8. Tình hình nghiên cứu và phát triển:.....	20
9. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ:	20
10. Vị thế của Công ty so với các công ty khác trong cùng ngành:	20
11. Giá trị thực tế Đơn vị sự nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng	22
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG	22
I. THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG:	22
II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG:	23
1. Cơ cấu tổ chức:.....	23
2. Bộ máy hoạt động:.....	23
3. Về lao động:	24
PHẦN III : PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	24
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP PHƯƠNG ÁN CHUYỂN ĐỔI	24
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA:	26
1. Hình thức cổ phần hóa:	26
2. Thông tin về Công ty cổ phần	26
3. Pháp nhân của Công ty cổ phần	27
4. Ngành nghề kinh doanh:	27
5. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần:	27
6. Phương án bán cổ phần phát hành lần đầu:	29
III. CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA:	33
PHẦN IV : PHƯƠNG ÁN KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA	34
I. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	34
1. Thuận lợi:	34
2. Khó khăn:	35
II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH TỪ 2019-2021:	35

1. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển sau cổ phần hóa	35
2. Mục tiêu:.....	35
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa	36
4. Các giải pháp thực hiện:.....	36
PHẦN IV: KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	41
I. KIẾN NGHỊ:	41
II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:	41



PHẦN I

TÌNH HÌNH CHUNG VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ CẦU ĐƯỜNG ĐÀ NẴNG I. GIỚI THIỆU VỀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

1. Tên đơn vị:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY QUẢN LÝ CẦU ĐƯỜNG ĐÀ NẴNG
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: BRMC
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Bridge Road Manage Company

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Số 62 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0236. 3955 838
- Fax: 0236.3955 838
- Email: qlcddanang@gmail.com
- Số tài khoản: 102010001976591 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Ngũ Hành Sơn.
- Mã số thuế: 0400 513 870

3. Quyết định thành lập công ty

- Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng là đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo Quyết định số 3106/QĐ-UBND ngày 19/04/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng nên không có giấy phép đăng ký kinh doanh.

4. Tư cách pháp nhân.

- Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông Vận tải thành phố Đà Nẵng, hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng để giao dịch theo qui định.

5. Cơ quan chủ quản: Sở Giao thông Vận tải thành phố Đà Nẵng

6. Chức năng, nhiệm vụ:

- Quản lý, bảo trì, sửa chữa các công trình giao thông đường bộ, đường thủy nội địa.

- Thực hiện các dịch vụ về công trình giao thông, sản xuất, cung ứng vật tư, vật liệu; các dịch vụ bãi đỗ, san lấp mặt bằng, xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đèn tín hiệu, và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; cung ứng sửa chữa thiết bị chuyên dùng và thực hiện các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực giao thông và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Tư vấn giám sát các công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

96/4
GTY
HÀNH
HGI
TÀI C
NĂNG
1 - TP

II. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng là đơn vị sự nghiệp công lập, tiền thân của đơn vị là Công ty quản lý, sửa chữa công trình giao thông Đà Nẵng được thành lập tại Quyết định số 111/2005/QĐ-UBND ngày 18/8/2005 của UBND thành phố Đà Nẵng. Ngày 10/10/2007 được hợp nhất giữa Xí nghiệp quản lý thoát nước Đà Nẵng với Công ty quản lý sửa chữa công trình giao thông Đà Nẵng theo Quyết định số 7994/QĐ-UBND của UBND thành phố Đà Nẵng và được quy định lại chức năng nhiệm vụ và đổi tên Công ty quản lý, sửa chữa công trình giao thông và thoát nước Đà Nẵng. Nay được đổi tên thành Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng theo Quyết định số 3106/QĐ-UBND ngày 19/04/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng.

III. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GTDN:

1. Thực trạng về tài sản:

1.1 Hiện trạng tài sản cố định của Công ty theo sổ sách kế toán đến 31/12/2017:

- Tổng nguyên giá : 38.871.117.314.636 đồng
- Đã khấu hao đến 31/12/2017 : 2.337.296.412.080 đồng
- Giá trị còn lại : 36.533.820.902.556 đồng

Tài sản cố định của Công ty chủ yếu là máy móc thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý khác.

1.2 Diện tích đất Công ty đang sử dụng:

1.2.1 Tình hình sử dụng đất tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập:

❖ Lô 22 và 23 thuộc khu đất G2 - số 62, đường Phạm Hữu Kính, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng (Văn phòng Công ty)

a) Địa điểm khu đất:

- Số 62, đường Phạm Hữu Kính, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Kí hiệu lô đất: Lô 22 và 23 thuộc khu đất G2, đường 7,5m thuộc khu dân cư đô thị Nam cầu Trần Thị Lý (nay là đường Phạm Hữu Kính).

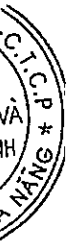
b) Hiện trạng khu đất:

- Diện tích khu đất: 208,65m² bao gồm 02 lô số 22 và lô số 23.

- Kết cấu nhà:

+ Kết cấu nhà phía sau khu đất: Nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích 78m² (7,8m x 10m).

+ Kết cấu nhà phía trước khu đất: trên lô đất 22 dùng làm nhà để xe với diện tích 46,36 m² (12,2m x 3,8m), còn trên lô đất 23 là nhà 3 tầng có diện tích sàn là 252,87m² = ((208,65m² - 78m² - 46.36 m²) x 3 tầng);



- Hiện trạng sử dụng: Dùng làm văn phòng làm việc, đặt trụ sở chính của Công ty.

c) Cơ sở pháp lý khu đất:

- Công văn số 5155/UB-VP ngày 02/10/2004 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc bố trí đất xây dựng nhà làm việc cho Xí nghiệp Quản lý sửa chữa công trình Giao thông thủy bộ Đà Nẵng (nay là Công ty Quản lý Cầu đường Đà Nẵng). Khu đất đã được UBND thành phố Đà Nẵng giao đất theo phương án giao đất không thu tiền sử dụng đất;

- Biên bản bàn giao lô đất ngày 14/6/2005 giữa BQL dự án công trình đường Bạch Đằng Đông và XN QL sửa chữa CTGT thủy bộ ĐN (nay là Công ty Quản lý Cầu đường);

- Quyết định số 747/QĐ-SGTCC ngày 02/6/2005 của Sở Giao thông Công chính về việc giao kế hoạch chi tiết sửa chữa Quốc lộ 14B, năm 2005;

- Quyết định số 992/QĐ-SGTCC ngày 23/8/2005 của Sở Giao thông Công chính về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật;

- Quyết định số 1204/QĐ-SGTCC ngày 12/12/2005 của Sở Giao thông Công chính về việc phê duyệt hồ sơ dự toán bổ sung Công trình Nhà quản lý, Hạng mục Nhà làm việc xí nghiệp quản lý sửa chữa CTGT Thủy Bộ Đà Nẵng;

- Quyết định số 4415/QĐ-STC-ĐT ngày 23/12/2005 của Sở Tài chính về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành;

- Quyết định số 290/QĐ-CĐBVN ngày 03/3/2009 của Cục Đường bộ Việt Nam v/v Giao kế hoạch sửa chữa đường bộ năm 2009;

- Quyết định số 298/QĐ-CĐBVN ngày 04/3/2009 của Cục Đường bộ Việt Nam v/v Giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2009;

- Quyết định số 218/QĐ-SGTCC ngày 16/3/2009 của Sở Giao thông Công chính về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước nguồn kinh phí TW ủy quyền năm 2009;

- Quyết định số 2204/QĐ-CĐBVN ngày 12/10/2009 của Cục Đường bộ Việt Nam v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Sửa chữa nhà Hạt quản lý đường QL.14B khu dân cư Nam cầu Trần Thị Lý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 1028/QĐ-SGTCC ngày 28/12/2009 của Sở Giao thông Vận tải về việc Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành, công trình Sửa chữa nhà Hạt quản lý đường QL.14B khu dân cư Nam cầu Trần Thị Lý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng;

d) Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của đơn vị đến nay:

- Sau khi thành lập Xí nghiệp Quản lý sửa chữa công trình Giao thông thủy bộ Đà Nẵng, nhằm đảm bảo hoạt động thuận lợi cho đơn vị, UBND thành phố Đà Nẵng đã đồng ý chủ trương bố trí 02 (hai) lô liên kề trên đường 7,5m (nay là đường Phạm Hữu Kính) tại khu dân cư đô thị Nam cầu Trần Thị Lý và BQL dự án

công trình đường Bạch Đằng Đông đã bàn giao cho đơn vị 02 (hai) lô là lô số 22 và 23 thuộc khu đất G2 vào tháng 6/2005.

- Từ năm 2005 đến nay, đây vẫn là nơi làm việc, trụ sở chính của Công ty và công ty tiếp tục mở rộng diện tích thêm 01 (một) lô số 24 vào năm 2009 bằng nguồn quỹ phát triển của đơn vị theo báo cáo tại mục 2bên dưới.

- Năm 2005, trên cơ sở kế hoạch vốn của Sở Giao thông công chính ban hành tại Quyết định số 747/QĐ-SGTCC ngày 02/6/2005 về việc giao kế hoạch chi tiết sửa chữa Quốc lộ 14B; Nhà làm việc được xây dựng 175 m², kết cấu 2 tầng trên lô đất số 23 và giá trị quyết toán phân xây lắp sau thuế đối với căn nhà này là 227.499.000đồng tại Quyết định số 4415/QĐ-STC-ĐT ngày 23/12/2005 của Sở Tài chính về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành.

- Đến năm 2009, căn cứ Quyết định số 290/QĐ-CĐBVN ngày 03/3/2009 của Cục Đường bộ Việt Nam v/v Giao kế hoạch sửa chữa đường bộ năm 2009, Sở Giao thông công chính tiếp tục cho phép cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc cũ với diện tích 65 m² và xây bổ sung thêm một nhà cấp 4 có diện tích 80m² với giá trị quyết toán xây lắp sau thuế đối với căn nhà này là 271.961.000 đồng tại Quyết định số 1028/QĐ-SGTCC ngày 28/12/2009 của Sở Giao thông Vận tải về việc Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành.

❖ Lô số 24 thuộc khu đất G2 - Số 62, đường Phạm Hữu Kính, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng (Đất công ty đầu tư từ nguồn quỹ phát triển)

a) Địa điểm khu đất:

- Số 62, đường Phạm Hữu Kính, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Kí hiệu lô đất: Lô số 24 thuộc khu đất G2, đường 7,5m thuộc khu dân cư đô thị Nam cầu Trần Thị Lý (nay là đường Phạm Hữu Kính).

b) Hiện trạng khu đất:

+ Diện tích khu đất: 105,10m²

+ Kết cấu nhà: Gồm 3 tầng, diện tích sử dụng: 256,35 m².

+ Hiện trạng sử dụng: là phần đất được mở rộng từ năm 2009 và được dùng làm văn phòng làm việc, đặt trụ sở chính của Công ty.

c) Cơ sở pháp lý khu đất:

- Công văn số 1251/UBND-KTTH ngày 05/3/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc mua nhà đất làm trụ sở làm việc; theo đó thành phố thống nhất chủ trương cho phép công ty mua nhà đất tại lô G2-24 để mở rộng trụ sở và nguồn kinh phí sử dụng từ nguồn quỹ phát triển công ty;

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Phạm Đức Trung, bà Phan Xuân Sương và Công ty Quản lý, Sửa chữa Công trình Giao thông và Thoát nước Đà Nẵng (nay là Công ty Quản lý Cầu đường);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02239 do UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/8/2006.

d) Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của đơn vị đến nay:

- Nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế, Công ty cần mở rộng diện tích khu nhà làm việc và UBND thành phố Đà Nẵng đã đồng ý chủ trương tại Công văn số 1251/UBND-KTTH ngày 05/03/09.

- Việc mua nhà đất tại lô số 24 (với kết cấu nhà 3 tầng) nằm liền kề với trụ sở chính của công ty (lô 22 và 23) đã tạo thuận lợi đáng kể cho hoạt động công ty sau khi trụ sở được mở rộng. Đến nay, lô nhà đất này vẫn sử dụng là nơi làm việc, trụ sở chính của công ty.

❖ Lô số 1216 & 1217, mặt tiền đường quy hoạch 10,5m (nay có tên là Đô đốc Lộc), phân khu B2.3, khu E mở rộng, khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

a) Địa điểm khu đất:

- Lô số 1216 & 1217, mặt tiền đường quy hoạch 10,5m (nay có tên là Đô đốc Lộc), phân khu B2.3, khu E mở rộng, khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

b) Hiện trạng khu đất:

+ Diện tích khu đất: 190 m², diện tích xây dựng: 100 m²;

+ Kết cấu nhà: Gồm 2 tầng;

+ Hiện trạng sử dụng: Dùng làm văn phòng làm việc cho các Đội trực thuộc, cũng là nơi các Đội tập trung vật tư thiết bị và các hồ sơ liên quan để phục vụ công tác duy tu, sửa chữa đường bộ, cầu và đường thủy.

c) Cơ sở pháp lý khu đất:

- Công văn số 6524/UBND-QLĐTTh ngày 29/7/2013 của Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng về việc bố trí văn phòng làm việc và trang thiết bị duy tu bảo dưỡng cầu đường bộ cho Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng;

- Công văn số 10515/UBND-QLĐTTh ngày 27/11/2013 của Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng về việc địa điểm Văn phòng làm việc Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng;

- Công văn số 3378/UBND-QLĐTư ngày 22/4/2014 của Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng về việc hạng mục Văn phòng làm việc Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng thuộc hợp phần C dự án Đầu tư CSHT ưu tiên;

- Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 06/5/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 văn phòng làm việc Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng;

- Quyết định số 4699/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao đất để xây dựng nhà làm việc Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng; theo đó thời hạn giao đất là 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày kí Quyết định và hình thức giao đất là giao đất không thu tiền sử dụng đất.

d) Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của đơn vị đến nay:

- Vào năm 2013, nhằm đáp ứng nhu cầu bố trí làm việc từ 10 đến 15 cán bộ, công nhân viên và tập kết vật tư dự phòng, vật tư thu hồi, lưu trữ hồ sơ, Công ty được UBND thành phố Đà Nẵng giao khu đất số Lô số 1216 & 1217, mặt tiền đường quy hoạch 10,5m (nay có tên là Đô đốc Lộc), phân khu B2.3, khu E mở rộng, khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Từ khi hình thành đến nay, khu đất này vẫn là nơi làm việc của các Đội trực thuộc công ty, là nơi tập kết vật tư dự phòng, các vật tư thu hồi và lưu trữ hồ sơ.

❖ Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

a) Địa điểm khu đất:

- Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng;

b) Hiện trạng khu đất:

- Diện tích khu đất theo quy hoạch và quyết định giao đất: 5.139 m²

- Hiện trạng sử dụng: do vướng đền bù giải tỏa nên đến thời điểm hiện nay Công ty mới chỉ sử dụng 4.639 m² để xây dựng tạm nhà làm việc, xưởng cơ khí và kho bãi chứa vật tư.

c) Cơ sở pháp lý khu đất:

- Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 17/3/2011 của UBND Thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 xây dựng nhà làm việc, xưởng sản xuất và kho bãi chứa vật tư Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng;

- Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 19/5/2011 của UBND Thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng để xây dựng nhà làm việc, xưởng sản xuất và kho bãi chứa vật tư;

- Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 03/2/2017 của UBND Thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm Công nghiệp sản xuất nhỏ tại khu vực kho tàng đèo Đại La;

- Công văn số 385/VP-QLĐTh ngày 11/02/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng Về việc phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty Quản lý Cầu đường Đà Nẵng”.

d) Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của đơn vị đến nay:

- Theo kiến nghị của Công ty và Sở Giao thông vận tải về nhu cầu thực tế có một nhà làm việc, phân xưởng cơ khí và kho bãi chứa vật tư thu hồi từ các công trình đường bộ được nâng cấp, mở rộng; UBND thành phố Đà Nẵng đã đồng ý chọn địa điểm, phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 17/3/2011 và có Quyết định thu hồi, giao đất cho Công ty tại Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 19/5/2011 đối với khu đất có diện tích 5.139m² tại Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2017, UBND thành phố Đà Nẵng đã phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm Công nghiệp sản xuất nhỏ tại khu vực kho tàng đèo Đại La tại Quyết định số 667/QĐ-

UBND ngày 03/2/2017; theo đó có điều chỉnh quy hoạch khu đất nhưng vẫn giữ nguyên diện tích là 5.139m².

- Trên thực tế, sau khi tiếp nhận mặt bằng cho đến tháng 10/2018, do vướng giải tỏa nên Công ty mới chỉ sử dụng diện tích 2.686m² để xây dựng tạm nhà làm việc, xưởng cơ khí và kho bãi chứa vật tư. Phần đất còn lại do vướng đền bù nên UBND thành phố giao UBND Quận Liên Chiểu tiếp tục xử lý. Đến ngày 12/10/2018, UBND Quận Liên Chiểu giải quyết và bàn giao thêm gần 2.000m² nhưng vẫn còn vướng giải tỏa khoảng 500m² còn lại (diện tích đất tiếp nhận là 4.639m² trong tổng số 5.139m²);

- Ngày 11/02/2019, UBND thành phố Đà Nẵng đã có Công văn số 385/VP-QLĐTh Về việc phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty Quản lý Cầu đường Đà Nẵng; theo đó UBND thành phố thống nhất cho Công ty được thuê phần diện tích khoảng từ 2.000m² đến 2.500m².

- Đến ngày 15/3/2019, Công ty đã phối hợp với Viện Quy hoạch Xây dựng điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 tại khu đất này với diện tích sử dụng là 2.327 m² và được Sở Xây dựng thẩm định và trình UBND thành phố phê duyệt.

1.2.2 Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần:

- Công ty đã được phê duyệt phương án sử dụng đất tại Quyết định số 5318/QĐ-UBND ngày 08/11/2018. Sau khi được cổ phần hóa, Công ty có trách nhiệm thực hiện các thủ tục để được Nhà nước cho thuê đất, ký Hợp đồng thuê đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định của pháp luật đất đai theo danh mục sau:

STT	Tên khu đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc đất	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sử dụng đất sau khu cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khu cổ phần hóa
1	Lô 22 và 23 thuộc khu đất G2, đường 7,5m thuộc khu dân cư đô thị Nam cầu Trần Thị Lý	Số 62, đường Phạm Hữu Kính, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	208,65	Giao đất không thu tiền sử dụng đất	Công văn số 5155/UB-VP ngày 02/10/2004 của UBND thành phố Đà Nẵng	Thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm	Đất TMDV

STT	Tên khu đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc đất	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sử dụng đất sau khu cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khu cổ phần hóa
2	Lô số 24 thuộc khu đất G2, đường 7,5m thuộc khu dân cư đô thị Nam cầu Trần Thị Lý	Số 62, đường Phạm Hữu Kính, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	105,1	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE724678 do UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/8/2006	Thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm	Đất TMDV
3	Lô đất số 1216 và 1217, đường Đô Đốc Lộc, phân khu B2.3, khu E mở rộng, KDC Nam Cầu Cẩm Lệ.	Phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ	190	Giao đất không thu tiền sử dụng đất	Quyết định số 4699/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng	Thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm	Đất TMDV
4	Lô đất tại Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	2.327	Giao đất không thu tiền sử dụng đất	Công văn số 385/VP-QLĐTh ngày 11/02/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng và văn bản của sở Xây dựng trình bổ sung điều chỉnh QH	Thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm	Đất TMDV

2. Thực trạng về tài chính tại thời điểm xác định GTDN 31/12/2017: (Theo SSKT)

2.1 Thực trạng về tài sản tại thời điểm xác định GTDN 31/12/2017

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Giá trị
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	22.720.080.949
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	11.412.832.088
1	Tiền mặt	111	11.412.832.088
2	Các khoản tương đương tiền	112	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	
1	Đầu tư ngắn hạn	121	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	8.538.903.200
1	Phải thu khách hàng	131	5.751.243.599
2	Trả trước cho người bán	132	2.400.777.961
3	Các khoản phải thu khác	135	386.881.640
IV	Hàng tồn kho	140	2.768.345.661
1	Hàng tồn kho	141	2.768.345.661
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	
5	Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn		
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	36.534.085.444.223
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	-
II	Tài sản cố định	220	36.534.085.444.223
1	Tài sản cố định hữu hình	221	36.533.820.902.556
	<i>Nguyên giá</i>	222	38.871.117.314.636
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	2.337.296.412.080
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	264.541.667
	<i>Nguyên giá</i>	222	327.250.000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	62.708.333
III	Bất động sản đầu tư	230	-
	<i>Nguyên giá</i>	231	

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Giá trị
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232	
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	
VI	Tài sản dài hạn khác	260	
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	268	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	36.556.805.525.172

2.2. Thực trạng về vốn, công nợ tại thời điểm xác định GTDN 31/12/2017:

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Giá trị
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	20.379.618.310
I	Nợ ngắn hạn	310	20.379.618.310
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	14.788.625.907
2	Phải trả người bán	312	1.207.000.000
3	Người mua trả tiền trước	313	1.340.292.410
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	837.482.025
5	Phải trả người lao động	315	
6	Chi phí phải trả	316	
7	Phải trả nội bộ	317	
8	Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	318	
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	2.206.217.968
11	Qũy khen thưởng, phúc lợi	320	
II	Nợ dài hạn	330	
1	Phải trả dài hạn người bán	331	
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332	
3	Phải trả dài hạn khác	333	
4	Vay và nợ dài hạn	334	
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	
7	Doanh thu chưa thực hiện	337	
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	36.536.425.906.862
I	Vốn chủ sở hữu	410	
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Giá trị
2	Nguồn vốn kinh doanh	413	
3	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	
5	Quỹ đầu tư phát triển	417	
6	Quỹ dự phòng tài chính	418	
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	
9	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	
II	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	36.536.425.906.862
1	Nguồn kinh phí	432	370.440.857
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	36.536.055.466.005
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	36.556.805.525.172

3. Cơ cấu tổ chức quản lý và tổ chức bộ máy:

3.1. Cơ cấu tổ chức quản lý:

a) Tổ chức được phân công, phân cấp thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu: Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng.

b) Bộ máy tổ chức quản lý, điều hành Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng bao gồm:

(1) Phòng Tổ chức-hành chính

- Tổ chức quản lý nhân sự; công tác quản trị; công tác văn thư.
- Chính sách, chế độ : tiền lương, tiền thưởng, tuyển dụng, thôi việc, mất sức, hưu trí, chế độ bảo hiểm và các chế độ khác về người lao động theo quy định của pháp luật.
- Công tác bảo vệ, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động.
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy quản lý sản xuất-kinh doanh và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty.
- Trực tiếp tiếp nhận và trả kết quả các loại giấy phép thi công theo phân cấp.

(2) Phòng Kế hoạch

- Là phòng chuyên môn nghiệp vụ chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ban giám đốc Công ty, đồng thời có vai trò tham mưu xây dựng các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn liên quan đến hoạt động của Công ty
- Tham mưu cho Giám đốc và chủ trì theo dõi, đôn đốc thực hiện các công việc:

+ Xây dựng các báo cáo, chương trình công tác, phương án, đề án . . . đơn đốc theo dõi việc triển khai thực hiện.

+ Công tác chuẩn bị đầu tư: các công trình do công ty làm chủ đầu tư, công ty hợp đồng với các chủ đầu tư và các đơn vị khác (bao gồm các bước xin chủ trương, qui mô. . . đến bước kí kết hợp đồng, phụ lục hợp đồng);

+ Công tác kết thúc đầu tư (quyết toán, bảo hành công trình, thanh lý hợp đồng và các vấn đề liên quan khác);

+ Chủ trì hồ sơ liên quan đến công tác thanh tra, kiểm toán định kì, đột xuất;

+ Xây dựng định mức, các chỉ tiêu khoán cho các đơn vị và triển khai các thủ tục liên quan đến công tác giao khoán, giao việc cho các đội trực thuộc;

- Thực hiện các công việc khác do Giám đốc giao;

+ Về ký kết hợp đồng kinh tế.

+ Công tác theo dõi, đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện kế hoạch.

+ Công tác quản lý chất lượng các công trình được phân cấp quản lý, các công trình do Công ty nhận thi công.

+ Các vấn đề có liên quan về tiêu chuẩn, chất lượng, định mức, quy trình thao tác có tính chất nghiệp vụ đối với các hoạt động của Công ty.

- Lập hồ sơ dự toán đối với các công việc có tính chất làm công tác quản lý, chủ trì lập hồ sơ mời thầu, thẩm tra, xét hồ sơ thầu.

- Lập và bảo vệ hồ sơ dự toán, quyết toán công trình với các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Quản lý, giám sát, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo chất lượng.

- Tiếp nhận, kiểm tra, lưu trữ hồ sơ hoàn công công trình do các chủ đầu tư bàn giao.

- Cập nhật lưu trữ các thông tin các công trình do Công ty quản lý và khai thác.

(3) Phòng Kỹ thuật

- Là phòng chuyên môn nghiệp vụ chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ban giám đốc Công ty, đồng thời có vai trò hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc Công ty;

- Chủ trì tham mưu cho Giám đốc về:

+ Công tác quản lý chất lượng các công trình được phân cấp quản lý, các công trình do công ty nhận thi công

+ Các vấn đề có liên quan về tiêu chuẩn, chất lượng công trình được khai thác, quản lý;

+ Thực hiện tổ chức nghiệm thu công tác đặt hàng theo qui định;

(4) Phòng Tài chính Kế toán

- Tham mưu cho Giám đốc trong việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác tài chính, kế toán, thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế của Công ty.

- Tham gia hoạch định công tác tài chính của Công ty.

- Thông qua công tác quản lý tài chính, tham mưu cho Giám đốc về công tác chăm lo đời sống, vật chất và tinh thần cho CNVC-NLĐ trong Công ty.

- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc Công ty về việc chấp hành Luật kế toán-thống kê (bao gồm các khâu: cập nhập hệ thống sổ sách chứng từ, thực hiện chế độ ghi chép ban đầu, kiểm tra việc hạch toán, báo cáo kế toán định kỳ).

- Tổ chức quyết toán tài chính theo định kỳ với cơ quan hữu quan theo quy định của Nhà nước.

(5) Đội Tuần tra đường bộ

- Thực hiện nghiêm túc quy chế tổ chức và hoạt động của Tuần tra (Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BGTVT ngày 12/11/2012 của Bộ giao thông vận tải và Quyết định số 23 /2014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2014 của UBND thành phố Đà Nẵng).

- Tuần tra, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm liên quan đến công trình giao thông đường bộ, hành lang an toàn giao thông, các hư hỏng gây mất an toàn giao thông, các bất cập, bất hợp lý của hệ thống tổ chức giao thông trên các tuyến đường và các nút giao thông.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Công an, Thanh tra giao thông trong việc tuyên truyền vận động cấm lấn chiếm và giải toả các hành vi vi phạm luật lệ ATGT.

- Thống kê, theo dõi các vụ tai nạn giao thông xảy ra trên đoạn đường mình phụ trách, ghi chép đầy đủ nội dung nhật ký tuần tra trên các tuyến đường theo đúng quy định.

(6) Đội Quản lý đường bộ 1, 2; Đội Quản lý đường nội thị; Đội Cơ Khí Công trình; Đội Quản lý các cầu.

- Thực hiện công tác bảo trì, duy tu, sửa chữa các công trình giao thông được phân cấp theo khu vực được giao.

- Thực hiện có hiệu quả công tác bảo trì đường bộ, các công trình cầu. Kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ đã giao cho Đội.

- Xây dựng, bảo trì các công trình được giao đúng kỹ thuật, chất lượng công trình theo quy định của nhà nước.

- Thi công các công trình do Công ty giao khoán hoặc đội tự khai thác theo quy chế hoạt động và quy chế khoán của Công ty

(7) Đội Quản lý cầu Thuận phước; Đội Quản lý cầu Rồng; Đội Quản lý đường bộ 5.

- Thực hiện quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thiết bị của cầu Thuận Phước, cầu Sông Hàn, cầu Rồng, cầu Trần Thị Lý và Nút giao thông khác mức Ngã Ba Huế theo đúng sổ tay vận hành.

- Tuân tra, kiểm tra hàng ngày kịp thời phát hiện các hư hỏng, mất mát, sự cố bất thường ảnh hưởng đến công trình, phối hợp với các đơn vị có liên quan để xử lý, khắc phục và phối hợp với các địa phương trong công tác đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự tại công trình.

- Kiểm tra, lập kế hoạch, đề xuất sửa chữa thường xuyên hằng năm.

- Duy tu bảo dưỡng, khắc phục sửa chữa hư hỏng trong quá trình khai thác.

(8) Đội Quản lý Cảng Sông Hàn

- Thực hiện quản lý khai thác cảng Sông Hàn đúng quy định, đúng mục đích và hiệu quả.

- Lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa duy trì trạng thái hoạt động của cảng Sông Hàn và các thiết bị neo đậu phương tiện theo thiết kế bảo đảm an toàn.

- Xây dựng nội quy hoạt động của cảng Sông Hàn, lập kế hoạch đảm bảo trật tự tại cảng để tiếp nhận phương tiện.

- Tham gia cứu người, hàng hóa, phương tiện khi xảy ra tai nạn; báo cáo và phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết, khắc phục hậu quả tai nạn và ô nhiễm môi trường (nếu có); tuân thủ sự điều động của cơ quan chức năng trong việc cứu người, hàng hóa, phương tiện khi có tai nạn xảy ra trong vùng nước cảng Sông Hàn và trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm cứu nạn, cứu hộ.

- Tạo điều kiện nơi làm việc và phối hợp với Cảng vụ trong việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vùng nước cảng Sông Hàn.

(9) Đội Quản lý đường thủy nội địa:

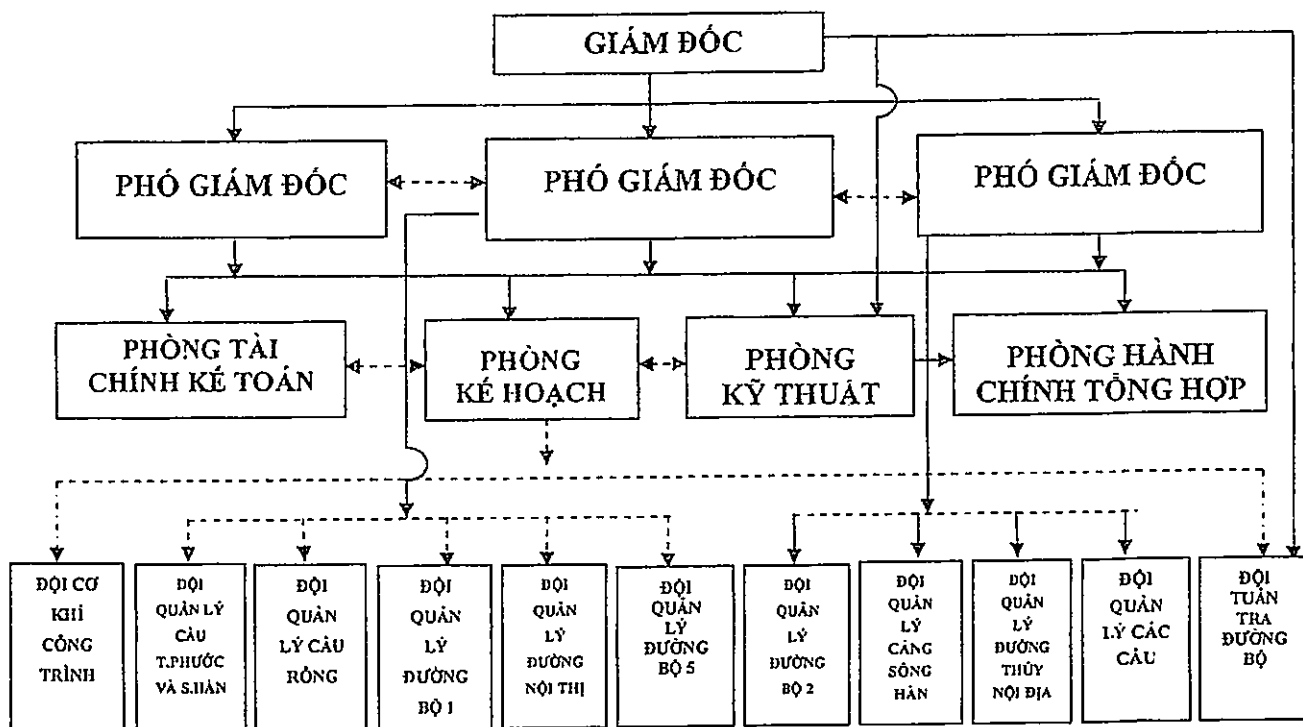
- Quản lý và sửa chữa thiết bị phao tiêu, biển báo đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo phân cấp;

- Quản lý các đường thủy nội địa thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động được ban hành kèm theo Luật giao thông thủy nội địa và Nghị định số 21/2005/NĐ-CP, ngày 01/3/2005 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa..

- Kiểm tra xử lý và báo cáo kịp thời khi có thông tin về luồng lạch đường sông.

- Triển khai công tác quản lý đường thủy nội địa

c) Sơ đồ cơ cấu tổ bộ máy tổ chức, nhân sự đơn vị hiện nay gồm có:



Ghi chú:

—————> Quan hệ chỉ đạo

<-----> Quan hệ chức năng

c) Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3.2. Tổ chức bộ máy và lao động:

Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập là: 182 người (Mẫu số 1 theo TT 35/2016/TT-BLĐ-TBXH ngày 25/10/2016 đính kèm) Trong đó:

- + Cán bộ viên chức : 22 người
- + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn : 145 người
- + Hợp đồng lao động thời hạn 12-36 tháng : 15 người

* Phân theo trình độ

- Trình độ Đại học và trên Đại học : 88 người
- Trình độ Cao đẳng, Trung cấp : 42 người
- Trình độ khác : 52 người

4. Tình hình sản xuất kinh doanh trước khi thực hiện cổ phần hóa:

Kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm (2015-2016-2017)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu thuần	40.256.478.457	46.280.023.074	61.290.382.632

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
2	Lợi nhuận trước thuế	1.448.699.134	1.737.412.374	1.459.539.370
3	Lợi nhuận sau thuế	1.129.985.323	1.061.595.656	1.042.275.559
4	Tổng số lao động	167	188	182
5	Thu nhập bình quân người/ tháng	5.000.000	5.500.000	6.000.000
6	Các khoản nộp ngân sách	5.014.922.208	5.529.413.496	7.047.911.908
7	Nợ phải thu	7.343.611.743	12.475.918.297	4.477.668.905
8	Nợ phải trả	8.822.638.443	10.440.946.380	14.491.983.580

5. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty

a) Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Sở GTVT và sự hỗ trợ nhiệt tình của các đơn vị trong, ngoài ngành, Công ty đã thực hiện hoàn thành tốt công tác đặt hàng dịch vụ quản lý bảo trì cầu, đường bộ và đường thủy nội địa trong những năm gần đây, góp phần chung tay cùng ngành giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao;

- Công ty có đội ngũ cán bộ năng động, có trình độ chuyên môn, nhận thức sâu sắc về chính trị, có tâm huyết và ý chí phấn đấu cho mục tiêu phát triển ổn định và vững bền sự nghiệp Công ty.

b) Khó khăn:

Bên cạnh những mặt thuận lợi và những kết quả đã đạt được, Công ty cũng gặp những khó khăn, bất cập trong công tác quản lý như sau:

- Do địa bàn quản lý rộng, nhưng với tốc độ đô thị hóa hiện nay, cùng với sự thiếu hiểu biết, thiếu ý thức của một số người dân trong việc lấn chiếm, xâm phạm kết cấu hạ tầng giao thông đã gây nhiều khó khăn trong công tác quản lý hệ thống hạ tầng giao thông, đặc biệt là vấn đề tự ý tháo dỡ vỉa hè, bó vỉa, hoàn trả mặt bằng không đúng qui định;

- Hiện nay, Công ty quản lý hầu hết các cầu lớn, cầu có kết cấu đặc biệt trên địa bàn thành phố, nhưng hiện nay vẫn còn một số cầu chưa có hệ thống quan trắc và thiết bị chuyên dụng (Sông Hàn, cầu Rồng, cầu Thuận Phước), điều này gây khó khăn đến công tác quản lý của Công ty;

- Do quy định bắt buộc trong công tác đấu thầu, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông Vận tải nên không được phép tham gia đấu thầu những công trình có giá trị xây lắp trên 1 tỉ, do vậy ngoài doanh thu công tác đặt hàng, Công ty hầu như không có thu nhập từ các công trình khác.

- Liên quan đến việc xử lý hư hỏng thoát nước, bể cáp quang, điện lực, điện chiếu sáng và cây xanh che khuất là quá chậm, sự thiếu quan tâm khắc phục của đơn vị bạn đã gây ảnh hưởng chung đến an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

6. Nguồn nhân lực, tài sản:

- Với bộ máy Công ty và số lượng con người, trình độ nêu trên, có thể nhận thấy rằng nguồn nhân lực Công ty là khá dồi dào, sẵn sàng đáp ứng mọi công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Về tài sản: do tính chất công việc, tài sản về thiết bị, máy móc, dụng cụ lao động của Công ty vẫn chưa tương xứng với tiềm năng phát triển. Về cơ sở nhà, đất đơn vị nhận thấy tạm ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh với mô hình hoạt động công ty trong thời gian qua.

7. Trình độ công nghệ:

- Trong những năm qua, với sự hình thành những cây cầu hiện đại, việc quản lý duy tu bảo dưỡng là cấp thiết, đòi hỏi phải có chuyên môn cao. Vì vậy, đơn vị đã tham gia nhiều lớp bồi dưỡng về chuyên môn đối với các cầu đặc biệt. Bên cạnh đó, Công ty đã cử 05 người đi học lớp lái xe, vận hành xe chuyên dụng bảo dưỡng các cầu, qua đó đáp ứng tốt công tác theo dõi, bảo dưỡng các cầu lớn, cầu đặc biệt trên địa bàn thành phố.

- Về công nghệ phần mềm vi tính: với sự chỉ đạo phối hợp cấp trung ương và địa phương, đơn vị đã áp dụng thành thạo các phần mềm quản lý như: giấy phép xây dựng, phần mềm GIS, Argic, VBMS chuyên về cầu.

- Đối với công tác bảo dưỡng mặt đường, các hạng mục tổ chức giao thông: thời gian qua công ty được Sở tập huấn một số lớp học về công nghệ mới trong công tác chế tạo vật liệu mới, vật tư thay thế và bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật.

8. Tình hình nghiên cứu và phát triển:

- Vào đầu mỗi năm, Sở chủ quản và Sở Khoa học Công nghệ đều giao đơn vị đăng ký đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ, đề tài và sáng kiến, theo đó công ty đều thực hiện nghiêm túc và đạt yêu cầu được giao.

9. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ:

- Từ khi Công ty được giao đặt hàng dịch vụ quản lý, bảo trì cầu, đường bộ và đường thủy nội địa, Lãnh đạo đơn vị đã phân công nhiệm vụ cho các phòng, đội một cách hợp lý về cách thức thực hiện dịch vụ và kiểm tra, báo cáo thường xuyên chất lượng. Định kì hàng tuần, Lãnh đạo Công ty thay phiên nhau đi kiểm tra từng địa bàn, công trình do đó những năm qua kết quả luôn được Sở nghiệm thu hoàn thành chất lượng dịch vụ và được đánh giá cao.

10. Vị thế của Công ty so với các công ty khác trong cùng ngành:

Vị thế của Công ty trong ngành

Thị trường của Công ty: Phân khúc thị trường của sản phẩm, dịch vụ kinh doanh là hoạt động lĩnh vực quản lý cầu đường, trong đó hoạt động công ích chiếm tỷ trọng lớn; đối tượng phục vụ là nhân dân.



Vị thế của công ty trong ngành: Là một trong những đơn vị thực hiện dịch vụ công ích hàng đầu trong ngành; tuy nhiên với xu thế hội nhập, phát triển sẽ có nhiều đối thủ cạnh tranh, dẫn đến làm ảnh hưởng đến thị phần của Công ty có phần giảm.

Chiến lược về cạnh tranh: Nâng cao năng suất lao động; tiết kiệm chi phí; đảm bảo giá cả hợp lý; nâng cao chất lượng sản phẩm và uy tín, không ngừng cải tiến để đảm bảo cạnh tranh với các đơn vị trong cùng lĩnh vực hoạt động.

Triển vọng phát triển của ngành

Tuy có phần khó khăn trong lĩnh vực hoạt động, nhưng với sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo; sự đoàn kết, nỗ lực của tập thể người lao động trong Công ty sẽ là nền tảng để Công ty dần ổn định và phát triển.

Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

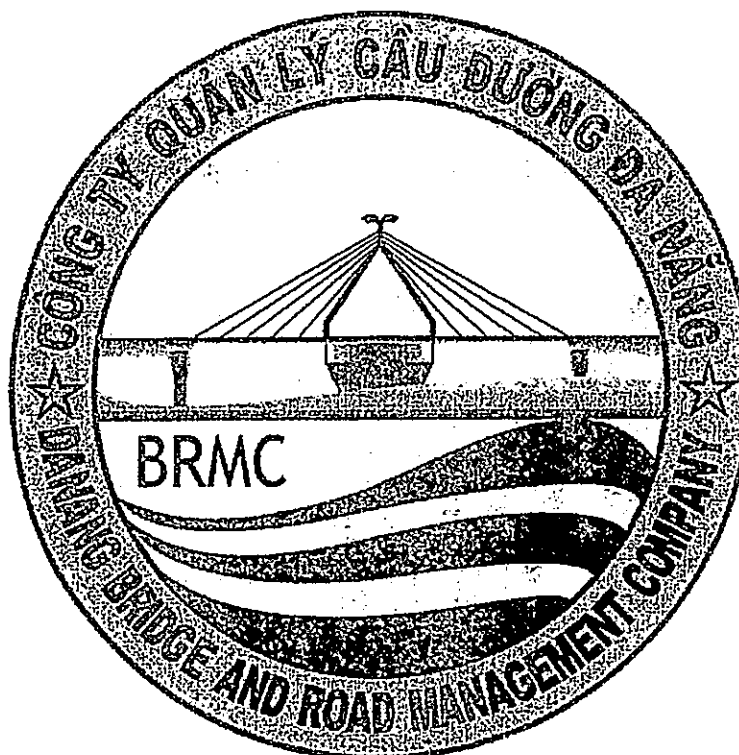
Xây dựng Công ty trở thành công ty hàng đầu trong hoạt động quản lý cầu đường và kinh doanh hoạt động công ích làm ngành nghề kinh doanh chính.

Những chính sách quan tâm kịp thời và phù hợp với chủ trương của Nhà nước đối với ngành cùng với tiềm năng phát triển của xã hội sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các Công ty hoạt động trong ngành nói chung và Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng nói riêng.

Nhãn hiệu thương mại

Với đặc thù là đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý cầu đường, Công ty đã xây dựng Logo nhãn hiệu thương mại độc quyền để Công ty quảng bá hình ảnh sâu rộng đến các đối tác. Tuy nhiên, hiện nay Logo của Công ty chưa đăng ký nhãn hiệu độc quyền với Cục sở hữu trí tuệ.

Biểu tượng của Công ty:



11. Giá trị thực tế đơn vị sự nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng

11.1. Giá trị đơn vị sự nghiệp công lập theo sổ sách kế toán :

- Giá trị thực tế của Công ty trên sổ sách kế toán tại thời điểm 24 giờ ngày 31/12/2017: **38.647.024.455 đ** (Ba mươi tám tỷ, sáu trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, bốn trăm năm mươi lăm đồng chẵn) .

- Giá trị phần vốn nhà nước của Công ty trên sổ sách kế toán tại thời điểm 24 giờ ngày 31/12/2017: **17.896.965.288 đ** (Mười bảy tỷ, tám trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng chẵn)

11.2. Giá trị công ty thực tế được phê duyệt:

Theo Quyết định số 6467 /QĐ-UBND ngày ngày 29/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp công lập để cổ phần hóa Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng Đà Nẵng như sau:

- Giá trị thực tế của Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng Đà Nẵng tại thời điểm 31/12/2017 để cổ phần hóa: **42.067.168.666 đ** (Bốn mươi hai tỷ, không trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng chẵn).

Trong đó, Giá trị phần vốn nhà nước của Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng Đà Nẵng tính đến ngày 31/12/2017 để cổ phần hóa: **21.687.550.356 đ** (Hai mươi một tỷ, sáu trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng chẵn).

- Tài sản không tính vào giá trị của Công ty Quản lý Cầu đường Đà Nẵng:

+ Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (không thực hiện đánh giá lại), có giá trị theo sổ sách là: **36.517.788.059.860 đồng** (Ba mươi sáu nghìn tỷ, năm trăm mười bảy tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi đồng chẵn).

+ Tài sản, vật tư để lại thực hiện nhiệm vụ chính trị (không thực hiện đánh giá lại) có giá trị sổ sách là: **370.440.857 đồng** (Ba trăm bảy mươi triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn, tám trăm năm mươi bảy đồng chẵn); Giao Sở Giao thông Vận tải thành phố Đà Nẵng chỉ đạo Công ty Quản lý Cầu đường Đà Nẵng chuyển giao các đơn vị liên quan quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

+ Tài sản, vật tư không cần dùng, đề nghị thanh lý: Giao Sở Giao thông Vận tải tiến hành các thủ tục thanh lý đối với tài sản, vật tư này theo quy định hiện hành.

(Chi tiết theo hồ sơ xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập Công ty)

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG

I. THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG:

Số lượng lao động có tên trong danh sách thường xuyên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa có 182 người (Mẫu số 01 theo TT 35/2016/TT-BLĐ-TBXH ngày 25/10/2016 đính kèm phương án này)

- UBND thành phố bổ nhiệm : 01 người

- HDLĐ không xác định thời hạn: 148 người

- HDLĐ xác định thời hạn 3 năm: 33 người

*** Phân theo trình độ**

- Trình độ Đại học và trên Đại học : 88 người

- Trình độ Cao đẳng, Trung cấp : 42 người

- Trình độ khác : 52 người

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG:

Để thực hiện phương án kinh doanh sau khi Cổ phần hóa, Công ty dự kiến sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và lao động như sau :

1. Cơ cấu tổ chức:

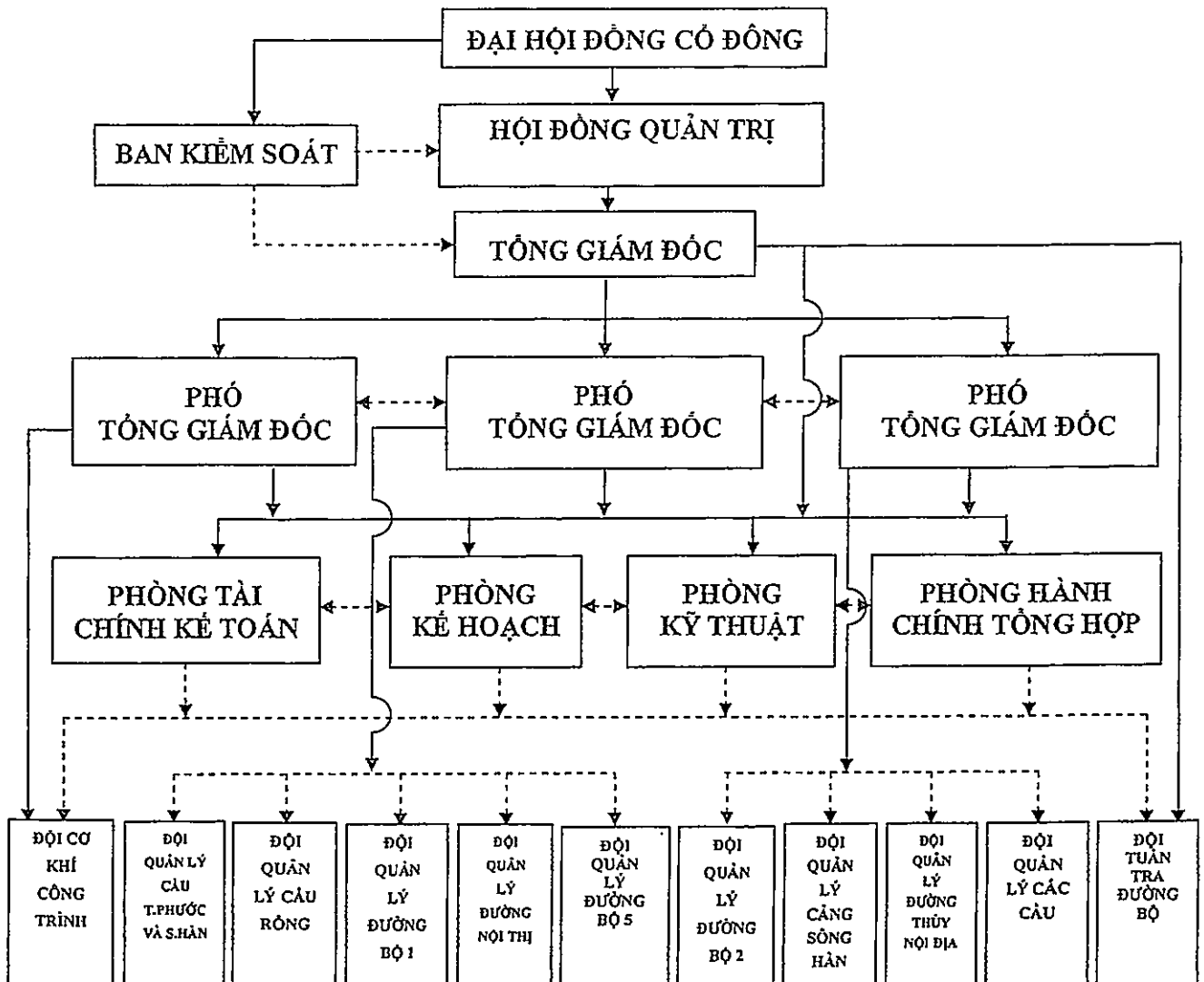
▪ Hội đồng Quản trị : 05 người

▪ Ban kiểm soát : 03 người

▪ Ban điều hành Công ty : 04 người

▪ Lao động bố trí tại các phòng, đội chuyên môn : 165 người

2. Bộ máy hoạt động:



05
ĐNG
Ổ P
ĐINH
VỤ T
À N
f u .

Ghi chú:

- Quan hệ chi đạo
←-----→ Quan hệ chức năng

3. Về lao động:

3.1 Lao động tại thời điểm xác định giá trị Đơn vị sự nghiệp công lập ngày 31/12/2017: (Mẫu số 01 theo TT35/2016/TT-BLĐTBXH)

Tổng số lao động là: 182 người, trong đó nữ: 35 người.

+ Số lao động đang làm việc: 182 người

3.2 Lao động tại thời điểm phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp công lập ngày 29/12/2018 (Mẫu số 02)

Tổng số lao động đang làm việc: 175 người, trong đó nữ: 34 người

+ Số lao động đang làm việc: 175 người

+ Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động: không người

Lao động chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập 170 người (Mẫu số 3)

+ Số lao động tiếp tục sử dụng: 170 người, trong đó nữ: 34 người

+ Số lao động chấm dứt hợp đồng LĐ sau khi công bố giá trị công ty: 3 người

+ Số lao động xin nghỉ việc chuyển đổi ngành nghề: 01 người (01/4/2019)

+ Một người lao động bị mất (02/2019)

- Phương án cơ cấu tổ chức và định biên lao động:

Ghi chú: Ban Lãnh đạo mới sẽ thực hiện sắp xếp, bố trí lao động để phù hợp với mô hình hoạt động tại Công ty cổ phần.

3.3 Tổng kinh phí giải quyết dôi dư theo TT35/2016/TT-BLĐTBXH: 40.643.600 đ (Bốn mươi triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm đồng chẵn), trong đó:

- Chi trả trợ cấp dôi dư đối với lao động nghỉ hưu trước tuổi (0 lao động): 0 đ

- Chi trả trợ cấp dôi dư đối với lao động mất việc làm (03 lao động): 40.643.600 đ (Bốn mươi triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm đồng chẵn).

PHẦN III : PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP PHƯƠNG ÁN CHUYỂN ĐỔI

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;

- Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước và công ty TNHH MTV do công ty nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công cổ phần;

- Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi

chuyển công ty nhà nước và công ty TNHH MTV do công ty nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ “Về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần”;

- Vận dụng Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/4/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi sắp xếp, chuyển đổi sở hữu công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Căn cứ Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại công ty;

- Căn cứ Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại công ty;

- Vận dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

- Vận dụng Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

- Căn cứ Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính “Quy định về chế độ quản lý tính hao mòn tài sản cố định trong các Cơ quan nhà nước, Đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước”;

- Căn cứ Quyết định số 111/2005/QĐ-UBND ngày 18/08/2005 của UBND “Về việc thành lập Công ty Quản lý, sửa chữa công trình giao thông Đà Nẵng”;

- Căn cứ Quyết định số 7994/QĐ-UBND ngày 10/10/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng “Về việc hợp nhất Xí nghiệp Quản lý thoát nước Đà Nẵng với Công ty Quản lý, sửa chữa công trình giao thông Đà Nẵng và đổi tên thành Công ty Quản lý, sửa chữa công trình giao thông và thoát nước Đà Nẵng”;

- Căn cứ Quyết định số 3106/QĐ-UBND ngày 19/04/2010 của UBND “Về việc quy định lại chức năng, nhiệm vụ và đổi tên Công ty Quản lý, sửa chữa công trình giao thông và thoát nước Đà Nẵng thành công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng”;

- Căn cứ Công văn số 1813/TTg-ĐMDN ngày 13/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc phê duyệt danh mục Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố chuyển thành Công ty cổ phần giai đoạn 2016-2020”;

- Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng “Về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng”;



Handwritten signature or mark.

- Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-BCĐ ngày 07/02/2017 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty quản lý cầu đường Đà Nẵng “Về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng”;
- Căn cứ công văn số 2175/UBND-BCĐ ngày 28/03/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng “Về việc Kế hoạch và tiến độ cổ phần hóa Công ty quản lý Cầu đường Đà Nẵng”;
- Căn cứ công văn số 894/UBND-KT ngày 02/11/2017 “Về việc chọn đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và tổ chức bán cổ phần”;
- Căn cứ Công văn số 158/QLCĐ-TCKT ngày 21/03/2018 của Công ty Quản lý cầu đường “Về việc Quyết toán thuế đến 31/12/2017”;
- Căn cứ Công văn số 93/BCĐ 09 ngày 22/6/2018 của Ban chỉ đạo 09 “Về việc liên quan đến phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Quản lý Cầu đường Đà Nẵng”;
- Thông báo số 166/TB-VP ngày 28/8/2018 “Kết luận của Phó Chủ tịch UBND thành phố Trần Văn Miên tại cuộc họp về xử lý vướng mắc trong quá trình cổ phần hóa Công ty Quản lý Cầu đường Đà Nẵng”;
- Căn cứ Quyết định số 5318/QĐ-UBND ngày 8/11/2018 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của Công ty Quản lý Cầu đường Đà Nẵng;
- Căn cứ Quyết định số 6467 /QĐ-UBND ngày 29/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng “Về việc phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp công lập để cổ phần hóa Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng Đà Nẵng”.
- Căn cứ các văn bản hiện hành và các hồ sơ, tài liệu liên quan khác,

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA:

1. Hình thức cổ phần hóa:

- Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật quy định.

- Hình thức chuyển đổi: Bán một phần vốn nhà nước hiện có.

2. Thông tin về Công ty cổ phần

- Tên gọi đầy đủ: Công ty Cổ phần Cầu đường Đà Nẵng;
- Tên giao dịch quốc tế: Danang Bridge and Road joint stock Company;
- Tên viết tắt : BRMC
- Địa chỉ: Số 62 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0236. 3955 838
- Fax: 0236.3955 838
- Email: qlcddanang@gmail.com
- Số tài khoản: 1013040056 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Chi nhánh Đà Nẵng

- Mã số thuế : 0400 513 870

3. Pháp nhân của Công ty cổ phần

- Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập.
- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- Được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của Công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp, được đăng ký kinh doanh theo luật định.

4. Ngành nghề kinh doanh:

- Quản lý, bảo trì, sửa chữa các công trình giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, cảng và bến bãi.
- Thực hiện các dịch vụ về công trình giao thông, thoát nước, sản xuất, cung ứng vật tư, vật liệu; các dịch vụ bãi đỗ, san lấp mặt bằng, xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đèn tín hiệu, và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; cung ứng sửa chữa thiết bị chuyên dùng và thực hiện các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực giao thông và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn giám sát các công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

5. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần: 21.687.550.000đ (Hai mươi một tỷ, sáu trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)

5.1 Căn cứ xây dựng mức vốn điều lệ:

Việc xây dựng mức vốn điều lệ của Công ty cổ phần dựa trên các căn cứ sau:

- Căn cứ kết quả xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.
- Căn cứ định hướng phát triển Công ty cổ phần giai đoạn 2019-2021.

5.2 Quy mô vốn điều lệ:

Căn cứ các quy định pháp lý hiện hành, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển sau cổ phần giai đoạn 2019-2021, trên cơ sở đánh giá nhu cầu vốn đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng hoạt động của Công ty sau khi chuyển thành Công ty cổ phần, mức vốn điều lệ dự kiến của Công ty cổ phần như sau:

Vốn điều lệ	: 21.687.550.000 đồng
Mệnh giá một cổ phần	: 10.000 đồng Việt Nam
Số lượng cổ phần phát hành	: 2.168.755 cổ phần.

5.3 Cơ cấu vốn điều lệ:

Tổng số cổ phần tại thời điểm đăng ký thành lập công ty là 2.168.755 cổ phần; mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản Pháp luật có liên quan.

Cơ cấu sở hữu vốn điều lệ của Công ty cổ phần dự kiến như sau:

Stt	Đối tượng cổ phần	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ cổ phần/vốn điều lệ (%)	Ghi chú
I	Nhà nước nắm giữ	650.626	6.506.260.000	30,0%	
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	650.626	6.506.260.000	30,0%	
II	Bán cho Người lao động trong Công ty	1.077.106	10.771.060.000	49,7%	
1	Mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc thực tế tại khu vực nhà nước	191.000	1.910.000.000	8,8%	Mua cổ phần ưu đãi theo Khoản 1 Điều 21 QĐ 22/2015
2	Công đoàn cơ sở được mua cổ phần ưu đãi (không quá 3% vốn điều lệ)	6.506	65.060.000	0,3%	Mua cổ phần ưu đãi theo Khoản 2c Điều 17 QĐ 22/2015
3	Mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần	879.600	8.796.000.000	40,6%	Mua cổ phần ưu đãi theo Khoản 2 Điều 21 QĐ 22/2015
III	Bán cho Nhà đầu tư khác	441.023	4.410.230.000	20,3%	
1	Số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	0	0	0,0%	Không bán cho nhà đầu tư chiến lược theo Khoản 3 Điều 6 NĐ 126/2017

2	Số cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư khác	441.023	4.410.230.000	20,3%	Điểm b khoản 2 điều 17 QĐ số 22/QĐ-TTg/2015
	Tổng cộng	2.168.755	21.687.550.000	100,0%	0

6. Phương án bán cổ phần phát hành lần đầu:

Căn cứ phương thức bán cổ phần lần đầu quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần”, Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các công ty nhà nước và Công ty TNHH MTV do công ty nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Phương thức bán cổ phần lần đầu là phương thức bán đấu giá công khai được áp dụng trong trường hợp bán đấu giá ra công chúng mà không có sự phân biệt nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài.

6.1 Phương án bán cổ phần lần đầu ra công chúng:

a) Đối tượng được mua cổ phần:

Nhà đầu tư trong nước, nước ngoài (quy định tại Điều 4 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015), bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong Công ty) ngoại trừ các đối tượng được quy định tại Điều 4 Thông tư 40/2018/TT-BTC nói trên, không được tham gia đấu giá mua cổ phần do Công ty phát hành lần đầu gồm:

a.1. Thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Tổ giúp việc cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các thành viên là đại diện của Công ty);

a.2. Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn cổ phần hóa, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh);

a.3. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá.

- Người có liên quan theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014 của tổ chức và cá nhân quy định tại a.1, a.2, a.3 như trên.

b) Phương thức phát hành:

Bán thông qua tổ chức tài chính trung gian để tổ chức bán đấu giá công khai số cổ phần dự kiến bán cho các Nhà đầu tư khác.

c) Khối lượng phát hành:

* Người lao động được mua thêm cổ phần theo số năm cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết, cụ thể:

Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm theo quy định tại Điểm a Khoản này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất”.

Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015: “2. Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, thuộc đối tượng cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 03 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phiếu theo quy định sau:

a) Mua thêm mức 200 cổ phiếu/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phiếu cho 01 người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 05 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm theo mức 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động. Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi trực thuộc và thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước xây dựng tiêu chí xác định chuyên gia giỏi, người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao phù hợp với đặc thù ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp; tiêu chí này phải được Đại hội công nhân viên chức của đơn vị trước khi chuyển đổi nhất trí thông qua.

* Tiêu chuẩn xác định người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao phải có được một trong các tiêu chí sau:

- Công nhân, viên chức, người lao động trình độ đại học đang hưởng lương ngạch chuyên viên và tương đương từ hệ số 3,00 trở lên.

- Công nhân, viên chức, người lao động trình độ Cao đẳng đang hưởng lương từ hệ số 2,72 trở lên.

- Công nhân, viên chức, người lao động trình độ trung cấp đang hưởng lương từ hệ số 2,46 trở lên.

- Công nhân viên chức, người lao động là công nhân trực tiếp sản xuất đang hưởng lương từ hệ số 2,71 trở lên.

- Công nhân viên chức, người lao động có đề tài, sáng kiến được công nhận cấp cơ sở trở lên và triển khai áp dụng tại đơn vị trong thời gian qua.

- Cam kết làm việc lâu dài tại Công ty ít nhất 05 năm (kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) theo mô hình Công ty cổ phần.

Trường hợp tái cơ cấu lại Công ty cổ phần dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Nếu người lao động có nhu cầu bán lại cho Công ty số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết hoặc do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng (như chết, mất khả năng lao động...) thì công ty cổ phần thanh toán số tiền mà người lao động đã bỏ ra mua cổ phần sau khi trừ đi các phần lợi ích người lao động đã được hưởng từ số cổ phần mua ưu đãi. Công ty cổ phần được giữ lại số cổ phần trên để bán cho người lao động được tuyển dụng mới

b) Phương thức phát hành

Trên cơ sở giá bán cổ phần ưu đãi theo quy định tại Điều 17 và Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015. Công ty sẽ tổ chức bán cổ phần cho người lao động trong theo danh sách đính kèm Phương án này (Chi tiết xem Phụ lục kèm theo) và bán cho tổ chức Công đoàn.

Công ty có biện pháp tổ chức cho người lao động đã đăng ký mua cổ phần ưu đãi theo số năm công tác trong Khu vực nhà nước và mua cổ phần ưu đãi theo số năm cam kết để chốt số cổ phần bán ra. Công ty cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với Nội dung của Danh sách người lao động đã đăng ký mua cổ phần ưu đãi tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp.

Tổ chức Công đoàn phải có văn bản đăng ký mua CP và cam kết nguồn vốn mua CP theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 điều 17 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015.

Trường hợp số lượng cổ phần ưu đãi bán không hết, Công ty báo cáo cấp có thẩm quyền tiếp tục tổ chức bán đấu giá công khai số cổ phần ưu đãi này.

c) Khối lượng phát hành:

- Số cổ phần bán cho Người lao động trong Công ty là: 1.070.600 cổ phần, có giá trị tính theo mệnh giá cổ phần 10.706.000.000 đồng, chiếm 49,4% vốn điều lệ.

- Số cổ phần bán cho Tổ chức Công đoàn của Công ty là: 6.506 cổ phần, có giá trị tính theo mệnh giá cổ phần 65.060.000 đồng, chiếm 0,30% vốn điều lệ.

d) Giá bán cổ phần

Theo quy định tại Điều 17 và Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 và các văn bản pháp luật liên quan:

- Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước và số CP bán cho Tổ chức Công đoàn bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

- Giá bán cổ phần cho người lao động theo số năm cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần bằng giá đấu thành công thấp nhất.

**Cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động theo thời gian
làm việc thực tế tại khu vực nhà nước**

Tổng số lao động có mặt tại thời điểm công bố GTDN đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi	:	175 người
Tổng số năm công tác	:	1.910 Năm
Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi	:	191.000 cổ phần, tương đương 8,8% vốn điều lệ
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
Giá bán cổ phần ưu đãi	:	60% giá đấu giá thành công thấp nhất
Thời gian thực hiện dự kiến	:	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

Cổ phần ưu đãi được mua theo số năm cam kết

Tổng số lao động	:	168 người
Tổng số cổ phần được mua theo số năm cam kết	:	879.600 Cổ phần chiếm 40,6% vốn điều lệ
Điều kiện chuyển nhượng	:	Hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết làm việc lâu dài theo quy định Khoản 2 Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg
Giá bán	:	Bằng giá đấu thành công thấp nhất
Thời gian thực hiện dự kiến	:	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

**Cổ phần bán cho Tổ chức Công đoàn theo giá ưu đãi
(bằng 60% giá bán thành công thấp nhất)**

Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi	:	6.506 cổ phần, tương đương 0,30% vốn điều lệ
Điều kiện chuyển nhượng	:	Không được chuyển nhượng
Giá bán cổ phần ưu đãi	:	60% giá đấu giá thành công thấp nhất
Thời gian thực hiện dự kiến	:	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

III. CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA:

- Tổng chi phí cổ phần hóa được xác định theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

- Tổng số dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty trình duyệt như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi phí cổ phần hóa	Số tiền
I	Các khoản chi phí trực tiếp	9.400.000
1	Chi phí họp triển khai các chế độ cho Công chức, viên chức và người lao động	6.000.000
2	In ấn, photo tài liệu	3.400.000
II	Chi phí tư vấn	111.400.000
3	Tư vấn xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập	75.000.000
4	Chi phí bán đấu giá cổ phần lần đầu	36.400.000
III	Thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc	79.200.000
5	Ban chỉ đạo: (6 người x 500.000đ/tháng x 12 tháng)	36.000.000
6	Tổ giúp việc: (12 người x 300.000đ/tháng x 12 tháng)	43.200.000
	Tổng cộng: I+II+III	200.000.000

(Bằng chữ : Hai trăm triệu đồng chẵn)

PHẦN IV : PHƯƠNG ÁN KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

I. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Thuận lợi:

- Sau khi chuyển công ty từ đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần sẽ tạo được cơ chế quản lý năng động, tạo động lực mới, thúc đẩy sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo thế mạnh cho công ty phát triển;

- Huy động vốn từ cán bộ công nhân viên, người lao động trong công ty và các nhà đầu tư ngoài công ty để đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng đa dạng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trên các lĩnh vực ngành nghề của công ty;

- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, nâng cao trách nhiệm, năng lực và trình độ của người lãnh đạo, người lao động và các cổ đông, tăng cường sự giám sát của các nhà đầu tư đối với công ty, đảm bảo hài hoà lợi ích của Nhà nước, công ty.

- Khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần hóa, công ty có thuận lợi trong việc chủ động trong sản xuất kinh doanh, tìm kiếm đối tác và có thể tham gia đầu thầu nhiều công trình ngoài khả năng của mình.

- Và công ty được hưởng các chính sách ưu đãi đối với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi như: miễn lệ phí trước bạ; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; được ký lại các hợp đồng thuê đất, thuê nhà cửa, vật kiến trúc theo quy định của pháp luật về đất đai, tài sản,

2. Khó khăn:

- Do không còn là đơn vị sự nghiệp công lập nên chắc hẳn sẽ thiếu đi sự chi đạo tận tình, thường xuyên của cấp Sở, UBND thành phố; các chủ trương, chính sách, hướng dẫn mọi hoạt động của tổ chức bộ máy, hoạt động kinh doanh không còn kịp thời, dẫn đến thế bị động là điều không thể tránh khỏi.

- Trước đây, hàng năm Công ty luôn được Sở Giao thông Vận tải, UBND thành phố giao quản lý đặt hàng dịch vụ bảo trì hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa nên công việc sản xuất kinh doanh, đời sống người lao động khá ổn định. Nhưng sau khi cổ phần, khối lượng công việc này phải đấu thầu nên trong thời gian đến, công ty sẽ gặp nhiều khó khăn hơn.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH TỪ 2019-2021:

1. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển sau cổ phần hóa

Cơ hội:

- Với mô hình hoạt động là công ty cổ phần, trong thời gian đến đơn vị sẽ được phép tham gia đấu thầu các công trình có giá trị xây lắp trên 1 tỷ, địa bàn hoạt động có thể tính đến các địa phương lân cận.

- Ngoài ra, với kinh nghiệm năng lực chuyên môn và tài chính, Công ty có thể mạnh dạn đầu tư vào một số lĩnh vực khác có liên quan đến hạ tầng kỹ thuật đường bộ.

Thách thức:

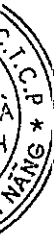
- Trong điều kiện môi trường hiện nay, yếu tố cạnh tranh trong đấu thầu là rất khốc liệt; với mô hình vừa chuyển sang từ một công ty Nhà nước với bộ máy công kênh chắc hẳn sẽ gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Vì vậy, Công ty sẽ gặp thách thức không nhỏ trong việc điều hành con người lao động, mở rộng qui mô kinh doanh và khả năng tìm kiếm việc làm.

2. Mục tiêu:

Mục tiêu cơ bản:

+ Tiếp tục phát huy những thế mạnh sẵn có của mình, giữ vững ngành nghề truyền thống và đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị thi công nhằm duy trì ổn định mọi hoạt động và xây dựng công ty từng bước phát triển, tăng trưởng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

+ Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, thu hút tối đa mọi nguồn lực đầu tư phát triển công ty. Nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm cho xã hội.



uuu

+ Phân đầu luôn đạt mức tăng trưởng về doanh thu năm sau cao hơn năm trước và tỷ suất cổ tức từ 07 - 09% để tạo đà kêu gọi vốn đầu tư, phát triển công ty.

Mục tiêu cụ thể:

- Trong 3 năm đầu phải ổn định hoạt động Công ty theo mô hình mới, theo đó là việc xác định về mặt tài chính, con người và đầu tư đầy đủ thiết bị, móc để đáp ứng công việc mới;

Tầm nhìn:

- Với sự phát triển chung xã hội, việc bảo dưỡng, bảo trì hệ thống giao thông bộ, đường thủy là nhu cầu thiết yếu thường xuyên; vì vậy Công ty định hướng phát triển theo tiềm năng đã có và đầu tư đúng hướng trong thời gian đến.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa

Trên cơ sở các định hướng chiến lược và kế hoạch phát triển nêu trên, dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần trong 03 năm tới như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Vốn điều lệ	21.687.550	21.687.550	21.687.550
2	Doanh thu	83.530.611	85.201.223	86.905.248
3	Lợi nhuận trước thuế	1.837.673	2.130.031	2.346.442
4	Lợi nhuận sau thuế	1.470.139	1.704.024	1.877.153
5	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (%)	7%	8%	9%

4. Các giải pháp thực hiện:

4.1: Giải pháp về kinh doanh và nâng cao năng lực công tác quản lý, duy tu sửa chữa thường xuyên đường bộ:

Công tác tìm kiếm việc làm được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức sản xuất với các giải pháp như:

- + Tập trung tìm kiếm các công trình có nguồn vốn đầu tư rõ ràng.
- + Xác định công tác Sửa chữa bảo trì đường bộ là nhiệm vụ chính, trọng tâm, đầu tư phát triển công tác xây dựng cơ sở hạ tầng đường bộ một cách hợp lý.
- + Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho cán bộ làm công tác đấu thầu.
- + Tiếp tục củng cố và giữ vững các thị trường, địa bàn đã có; tập trung vào các thị trường truyền thống Đà Nẵng và gắn bó với các chủ đầu tư như: Sở Giao

thông vận tải, Sở Xây dựng, UBND các quận, huyện, các Ban Quản lý dự án trên địa bàn thành phố nhằm duy trì, củng cố, phát triển các mối quan hệ truyền thống trước đây và từng bước mở rộng các địa bàn trong cả nước.

+ Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm.

+ Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và nâng cao chất lượng sản phẩm của dịch vụ của Công ty bằng các biện pháp thi công, quản lý chất lượng chặt chẽ theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008.

+ Quản lý khai thác có hiệu quả các nguồn lực hiện có của Công ty.

+ Từng bước chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ công nhân viên làm công tác sửa chữa bảo trì đường bộ.

+ Đầu tư các loại thiết bị phục vụ công tác quản lý đường bộ, các phần mềm quản lý cầu, đường... từng bước áp dụng các công nghệ tiên tiến vào công tác quản lý cầu đường bộ.

+ Tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình sửa chữa thường xuyên do các đơn vị trực thuộc thực hiện, quán triệt các yêu cầu cụ thể đối với từng hạng mục thi công để cán bộ giám sát chỉ đạo đơn vị thực hiện đúng quy trình.

+ Tổ chức tập huấn cho đội ngũ Đội trưởng, tuần đường về công tác quản lý hành lang đường bộ, trang bị kiến thức để tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về công tác quản lý hành lang đường bộ.

4.2: Giải pháp về vốn:

+ Thi hành các chính sách tiết kiệm chi phí, hạ giá thành dịch vụ nhằm tăng tính cạnh tranh và tăng lợi nhuận cho Công ty, tận dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, hạn chế tối đa việc đi vay, quản lý chặt chẽ các chính sách công nợ, thu hồi vốn giảm thiểu rủi ro hoạt động cho Công ty.

+ Bổ sung đủ vốn điều lệ giai đoạn 2019 - 2022;

+ Tiếp cận các nguồn vốn tín dụng để đầu tư phát triển công ty.

+ Huy động vốn: Chỉ thi công các công trình có nguồn vốn rõ ràng; Tập trung đẩy nhanh tiến độ để nghiệm thu, thanh toán. Tập trung thu hồi công nợ, nợ đọng; Vay vốn của các Ngân hàng; Vay vốn của các tổ chức và cá nhân với mức lãi suất phù hợp.

+ Quản lý vốn: Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có; Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn; Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đang bị chiếm dụng để giảm bớt các nguồn vốn vay; Thành lập tổ thu hồi công nợ do 1 Phó giám đốc, Kế toán trưởng trực tiếp chỉ đạo; bộ phận này phải lập kế hoạch, đưa ra các giải pháp cụ thể cho việc thu hồi từng khoản nợ của các đối tượng. Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ dây dưa kéo dài. Có chế tài thích hợp để bộ phận thu hồi công nợ hoạt động có hiệu quả.

4.3. Giải pháp về nâng cao năng lực thiết bị, công nghệ, nguồn nhân lực:

+ Đầu tư đồng bộ, có trọng điểm nhằm nâng cao năng lực thiết bị thi công theo hướng hiện đại, công nghệ mới và tiên tiến, đảm bảo thi công các công trình có yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật cao, tiến độ thi công khẩn trương, tạo thế cạnh tranh lành mạnh.

+ Nghiên cứu đầu tư cải tiến, thay thế những thiết bị đã cũ không đảm bảo được yêu cầu trong sản xuất.

+ Tập trung khắc phục sửa chữa những thiết bị hiện có, rà soát lại các thiết bị không sử dụng tiến hành thanh lý để thu hồi vốn, đầu tư công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường để đảm nhận thi công được các dự án trúng thầu hoặc được giao;

+ Rà soát nguồn lực hiện có, xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có.

+ Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư cho đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, từng bước nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; thay thế dần các thiết bị, công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp cận nhanh công nghệ và kỹ thuật xây dựng tiên tiến, tăng cường hiệu quả kinh doanh, phát triển bền vững.

+ Quản lý thiết bị: Thiết bị điều động phải phù hợp với phương án thi công công trình. Thiết bị giao cho thợ vận hành có trình độ kỹ thuật được đào tạo, bảo quản và sử dụng thiết bị tốt. Thiết bị được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng định kỳ qui định.

+ Có phương án sử dụng hợp lý, hiệu quả các cơ sở nhà đất Công ty quản lý.

+ Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý, điều hành, thiết kế và thi công nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về chất và có tính cạnh tranh cao.

+ Xây dựng mô hình quản lý, điều hành điện tử (sử dụng mạng nội bộ và liên hệ qua mạng điện tử) và ứng dụng thương mại điện tử vào kinh doanh. Khai thác triệt để mạng internet, sử dụng email để liên lạc, giao tiếp giữa các phòng ban, đơn vị, nâng cao năng lực quản trị điều hành của Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn tham gia các công tác xã hội, hỗ trợ các đối tượng chính sách nhằm thực hiện tốt trách nhiệm của công ty đối với cộng đồng.

4.4. Giải pháp về tổ chức, quản lý, điều hành:

+ Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả; tính toán phương án thi công tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao.

+ Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hoá cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân:

+ Căn cứ quy mô, điều kiện thực tế của dự án thi công để thành lập Ban chỉ đạo để chỉ đạo, điều hành dự án.

+ Các đơn vị sản xuất trực tiếp có nhiệm vụ: Trực tiếp sản xuất, thi công các công trình theo kế hoạch, tiến độ đã đề ra; Trực tiếp quản lý và sử dụng các nguồn lực: Máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu, lao động vào tổ chức thi công một cách hiệu quả nhất.

+ Thực hiện quyết liệt công tác khoán và quyết toán khoán trên các công trình và hạng mục công trình trên cơ sở gắn trách nhiệm của cán bộ phụ trách, giữa tiền thu nhập của người lao động và giá trị sản lượng làm ra.

+ Phát huy tính chủ động sáng tạo của cấp đội trong điều hành sản xuất với phương châm thi công nhanh, an toàn và hiệu quả. Hoàn thành sớm các thủ tục, hồ sơ thanh toán và hồ sơ hoàn công gửi Chủ đầu tư.

+ Nâng cao năng lực của các Đội duy tu, sửa chữa đường bộ trong công tác sửa chữa, bảo trì đường bộ và phòng chống, khắc phục hậu quả bão lụt.

+ Xây dựng và hoàn chỉnh dần, duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO từ công ty đến các đơn vị sản xuất.

+ Xây dựng và ban hành hệ thống quy chế, quy định về tổ chức quản lý và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

+ Phát động phong trào thi đua thường xuyên, hàng quý, hàng tháng trên các công trình trọng điểm, các giai đoạn cần thiết, thi đua hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng.

4.5. Giải pháp về lao động, tiền lương:

a. Chính sách về lao động:

+ Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ. Rà soát nguồn nhân lực hiện có, sắp xếp lao động hợp lý, có kế hoạch tuyển dụng lao động có tay nghề để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.

Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể. Quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên ngành.

+ Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động, đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề.

+ Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước. Tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật bằng các hình thức như: Đào tạo tại chỗ và cử đi đào tạo các trường nghề.

+ Lao động không đáp ứng được yêu cầu công việc thì giải quyết sắp xếp nghỉ theo chế độ.

b. Chính sách về tiền lương:

+ Thực hiện cơ chế khoán sản phẩm cho các đơn vị/bộ phận; Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý; Xây dựng quy chế tiền lương, tiền thưởng, hệ số phân phối thu nhập bổ sung theo hướng ưu tiên những người có trình độ và những người đảm nhiệm vị trí quan trọng trong dây chuyền sản xuất, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo năng suất lao động.

+ Đối với lao động trực tiếp: Khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ đội sản xuất và người lao động;

+ Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người; Khoán mức lương cụ thể cho từng phòng ban theo nhiệm vụ được giao;

+ Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;

+ Việc trả lương luôn được cải tiến hàng năm nhằm đảm bảo lương cho công nhân viên được đầy đủ, chính xác.

+ Về tiền thưởng: duy trì chế độ thưởng thi đua hàng tháng, 6 tháng và cuối năm, các ngày lễ theo quy định. Có chế độ khen thưởng đột xuất cho các cá nhân, tập thể có sáng kiến, cải tiến làm lợi cho Công ty.

+ Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc theo đúng quy định hiện hành.

+ Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động và các chính sách của Công ty.

4.6. Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể:

+ Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa cấp ủy Đảng, Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành.

+ Cấp ủy Công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản Trị, Giám đốc điều hành đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

+ Xây dựng Đảng và các tổ chức chính trị phát triển vững mạnh.

+ Tăng cường giáo dục đội ngũ cán bộ công nhân viên phát huy truyền thống Công ty để đưa Công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc.

+ Các Đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản Trị, Giám đốc điều hành đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động sản xuất.

+ Phát động các phong trào thi đua trên các công trường nhằm động viên các bộ phận đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

+ Có các giải pháp thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong Công ty cổ phần.

+ Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...

4.7. Giải pháp tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí:

Tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đã đề ra:

+ Tuyên truyền, giáo dục, học tập luật phòng chống tham nhũng, lãng phí theo đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, người lao động trong toàn Công ty;

+ Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình sản xuất, tiêu dùng;

+ Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí;

+ Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai; đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương, sử dụng điện nước trong sinh hoạt ... và giám sát việc thực hiện các quy chế.

+ Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn chỉnh bộ định mức giao khoán các đơn vị nội bộ.

+ Thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo ISO trong toàn Công ty, áp dụng triệt để các quy chế về quản lý tài chính của Nhà nước, tuân thủ chấp hành việc mua sắm, ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế theo quy định của pháp luật. Thực hiện công khai, minh bạch trong phân phối tiền lương, tiền thưởng và thu nhập của cán bộ công nhân viên.

PHẦN IV: KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

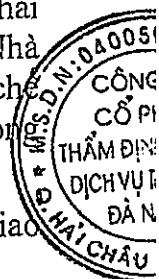
I. KIẾN NGHỊ:

Là đơn vị cổ phần hóa từ Đơn vị sự nghiệp theo chủ trương của nhà nước nên đơn vị sẽ gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn đầu sau cổ phần. Để tạo điều kiện cho đơn vị hoạt động và phát triển sau khi cổ phần hóa, Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng kiến nghị một số vấn đề sau:

- Trong những năm đầu tiên, kính mong UBND thành phố, Sở Giao thông Vận tải, các sở ban ngành tiếp tục hỗ trợ, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi để công ty hoạt động ổn định và hiệu quả;

- Như đã đề cập nội dung trên, do công tác đặt hàng dịch vụ quản lý, bảo trì cầu, đường bộ và đường thủy nội địa là rất quan trọng trong việc kinh doanh, sản xuất của Công ty, vì vậy kính đề nghị Sở Giao thông Vận tải, UBND thành phố tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng tiếp tục được thực hiện công tác này trong 3 năm đầu khi đã là công ty cổ phần;

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

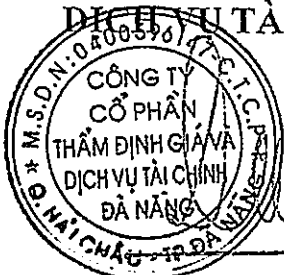


Sau khi có Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa, Công ty sẽ phối hợp với Ban chỉ đạo tiến hành thực hiện các công việc sau:

1. Phối hợp với Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng.
2. Bán cổ phần ưu đãi cho Người lao động.
3. Báo cáo kết quả bán cổ phần cho Cơ quan có thẩm quyền và xin tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập.
4. Đại hội đồng cổ đông và ra mắt Công ty cổ phần.
5. Lập thủ tục đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
6. Quyết toán thuế, Quyết toán chi phí cổ phần hóa; Kiểm kê, Lập Báo cáo tài chính, xác định lại giá trị công ty.
7. Tổ chức bàn giao tài sản, vốn của Công ty cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần.

Trên đây là Phương án cổ phần hóa Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng Đà Nẵng, kính đề nghị quý cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ
DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ĐÀ NẴNG



DƯƠNG THỊ MỸ LẠNG

ĐƠN VỊ ĐƯỢC CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY QUẢN LÝ CẦU ĐƯỜNG
ĐÀ NẴNG



VÕ THÀNH ĐƯỢC

